



## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị  
Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Hướng dẫn của Bộ Tài Chính tại thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/04/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2018/PJICO-NQ-DHĐCĐ ngày 20/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “**Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex**”.

**Điều 2.** Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây không còn hiệu lực thi hành

**Điều 3.** Các Thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc; Trưởng các Ban thuộc Hội đồng quản trị; Kế toán trưởng; Giám đốc các Công ty trực thuộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Tập đoàn XDVN (để b/c);
- UBCKNN, Hose (thay b/c);
- Đảng ủy Tcty, Công đoàn Tcty
- Lưu BanTH, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đinh Thái Hương

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ**  
**CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX**

**CHƯƠNG I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế quản trị Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (sau đây viết tắt là “Quy chế quản trị”) áp dụng trong phạm vi Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (sau đây viết tắt là “Tổng công ty”). Quy chế này được xây dựng theo quy định của:

- a. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- b. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- c. Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- d. Nghị định 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- e. Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000;
- f. Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- g. Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- h. Điều lệ tổ chức & hoạt động của Tổng công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20 tháng 04 năm 2018.

2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Tổng công ty để (i) bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Tổng công ty và (ii) đảm bảo việc thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, và các cán bộ quản lý của Tổng công ty.



3. Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua và chấp thuận toàn văn với 8 Chương, 34 Điều theo Nghị quyết số 01/2018/PJICO/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2018.

## **Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Quản trị” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Tổng công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Tổng công ty. Các nguyên tắc quản trị Tổng công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Tổng công ty;
- Hội đồng quản trị thực hiện lãnh đạo và kiểm soát Tổng công ty có hiệu quả.

b. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán và Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;

c. “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;

d. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó TGD, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;

e. “Cổ đông chiến lược” là Samsung Fire and Marine Insurance Co., Ltd., (SFMI) một công ty Hàn Quốc có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 110111-0005078, do Seoul Central District Court, Office of Registration cấp ngày 26 tháng 1 năm 1952;

f. “Tài liệu giao dịch” bao gồm Hợp đồng hợp tác chiến lược và Hợp đồng đặt mua cổ phần được ký bởi SFMI và PJICO vào ngày 05/05/2017;

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản và/hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

## CHƯƠNG II

### CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

#### **Điều 3. Quyền hạn của cổ đông**

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền theo quy định tại Điều 114, Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, ngoài ra Cổ đông có các quyền sau đây:

a. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của Pháp luật.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.

#### **Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn**

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Tổng công ty và của các cổ đông khác.

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Điều lệ Tổng công ty**

1. Điều lệ Tổng công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua và không được trái với các quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Tổng công ty tham chiếu Điều lệ mẫu tại Phụ lục Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để sửa đổi, bổ sung điều lệ Tổng công ty và trình Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết thông qua theo đúng quy định của pháp luật.

#### **Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường**

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Tổng công ty thực hiện tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp



Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và các quy định nội bộ của Tổng công ty. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [mười lăm (15)] ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

#### 4. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Trước ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi đảm bảo việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp

##### a. Điều kiện tham dự

- Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông (được thông báo trong Thông báo Đại hội đồng cổ đông) được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.

- Các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội đồng cổ đông có nghĩa vụ tham gia hoặc ủy quyền tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ Tổng công ty và tuân thủ các quy định về thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền. Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội đồng cổ đông phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội; nghiêm túc chấp hành quy chế đại hội và tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội.

#### b. Cách thức đăng ký

- Tại Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự phải mang theo Giấy mời họp, CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, riêng đối với đại diện được ủy quyền hợp pháp của cổ đông phải nộp thêm giấy ủy quyền cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

- Cổ đông, đại diện cổ đông hợp lệ sau khi đăng ký sẽ được nhận Phiếu biểu quyết.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các vấn đề đã biểu quyết sẽ không bị ảnh hưởng.

#### c. Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền:

- Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

- Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty theo quy định:

+ Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

+ Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

+ Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

- Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu



giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty (\*)).

- Trừ trường hợp quy định tại điểm trên (\*), phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

+ Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự;

+ Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

+ Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### 5. Cách thức biểu quyết trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

a. Các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

b. Cổ đông đủ điều kiện tham dự đại hội được ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết;

c. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua, đại diện cổ đông sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết;

d. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ phiếu biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua tại đại hội theo cách thức sau: Giơ phiếu biểu quyết tán thành; sau đó giơ Phiếu biểu quyết không tán thành; Sau đó giơ phiếu biểu quyết không có ý kiến;

e. Trừ trường hợp quy định tại điểm e, điểm g khoản này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ [51%] trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua báo cáo tài chính năm;
- Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Tổng Công ty;
- Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

f. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

g. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Tổng công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ [65%] trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

h. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

#### 6. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

a. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

b. Tổng Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Tổng Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

#### 7. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;



- Họ, tên chủ tọa và thư ký;

- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

- Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

b. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

c. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

d. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

e. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

## **Điều 7. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 15 ngày trước thời hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến để thông qua quyết định;

f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.



5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 136 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

3. Kết quả đánh giá của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị;

4. Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị;

5. Hoạt động của các Ban khác trực thuộc Hội đồng quản trị;

6. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;

7. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;

8. Kế hoạch trong tương lai.

#### **Điều 9. Tham dự của kiểm toán viên độc lập tại Đại hội đồng cổ đông**

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán độc lập được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.



### CHƯƠNG III

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

##### Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a. Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Tên các tổ chức, công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- e. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
- f. Các thông tin khác (nếu có).

2. Ngoại trừ các cam kết của cổ đông chiến lược trong tài liệu giao dịch, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, cụ thể nhóm cổ đông nắm giữ ít hơn năm phần trăm (5%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 06 tháng liên tục trở lên được gộp số quyền biểu quyết của từng cổ đông lại với nhau để đề cử các ứng viên cho vị trí thành viên Hội đồng quản trị. Theo đó:

- a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một (01) thành viên;
- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử hai (02) thành viên;

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử ba (03) thành viên;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử bốn (04) thành viên;

e. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử năm (05) thành viên;

f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử sáu (06) thành viên;

g. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử bảy (07) thành viên;

h. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử tám (08) thành viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị phải được:

a. Công bố rõ ràng;

b. Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Hội đồng quản trị hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất đến khi đủ số thành viên theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có 2 ứng cử viên có số phiếu bầu bằng nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

## **Điều 11. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:



a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp;

b. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

c. Có đơn từ chức;

d. Do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề nghị thôi cử làm đại diện hoặc thay đổi người đại diện;

e. Thành viên đó đại diện cho pháp nhân, khi pháp nhân không còn tư cách pháp nhân.

2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm quá theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT bị giảm quá quy định.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

## **Điều 12. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 điều 151 Luật doanh nghiệp, Luật kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành, Điều lệ Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty.

2. Tổng công ty hạn chế thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong bộ máy điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty không được đồng thời là Thành viên Hội đồng quản trị quá 05 công ty khác.

### **Điều 13. Thành phần Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên độc lập, trong đó phải đảm bảo tối thiểu số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Tiêu chuẩn Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo theo quy định hiện hành của Pháp luật.

3. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Việc bầu mới thành viên Hội đồng quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

4. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế hoặc là người đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.

### **Điều 14. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và Tổng công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng các vấn đề được đưa ra thảo luận;



c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.

d. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, ngoài ra Hội đồng quản trị có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả các cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của Tổng công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty;
4. Xây dựng quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

#### **Điều 16. Họp Hội đồng quản trị**

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. Các cuộc họp HĐQT tiến hành tại trụ sở chính của PJICO hoặc ở nơi khác theo sự nhất trí chung của các thành viên HĐQT.

3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch HĐQT triệu tập khi thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp 01 lần.

4. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp bất thường, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị của TGD hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; hoặc 02 thành viên HĐQT; hoặc thành viên HĐQT độc lập. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với PJICO; trong trường hợp này, người đề nghị họp HĐQT có quyền triệu tập họp HĐQT, các thành viên HĐQT dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp (trừ một số tình huống đột xuất và khẩn cấp). Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại PJICO.

6. Các cuộc họp hoặc trường hợp lấy ý kiến của các thành viên HĐQT được coi là họp lệ khi có 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

7. Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền triệu tập và chủ trì cuộc họp của HĐQT.

8. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 5 Điều 11;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một



giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

9. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì bên có phiếu của Chủ tịch HĐQT là quyết định. Thành viên HĐQT có quyền bảo lưu ý kiến của mình. Nghị quyết, quyết định và các tài liệu họp của HĐQT được lập bằng tiếng Việt.

10. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, các nghị quyết được HĐQT thông qua, kết luận của các cuộc họp phải được ghi thành Biên bản.

### **Điều 17. Thù lao của Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

## **Điều 18. Các ban của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị cần thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, tùy từng giai đoạn phát triển của Tổng công ty, ngoài các ban hiện có như : Ban Tổng hợp – Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ thì Hội đồng quản trị có thể thành lập thêm các ban như: Ban chính sách phát triển, Ban nhân sự, Ban Lương thưởng và các ban đặc biệt theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Công tác nhân sự và lương thưởng sẽ do các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách.

3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các ban và trách nhiệm của từng thành viên.

## **Điều 19. Thành lập và hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ**

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị, và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ phù hợp với Điều lệ và quy định pháp luật hiện hành

1. Các tiêu chuẩn của thành viên Ban Kiểm toán nội bộ:

Kiểm toán viên nội bộ phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

- Có phẩm chất trung thực, ý thức chấp hành pháp luật;
- Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ;
- Có hiểu biết và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, kiểm toán từ 03 năm trở lên;
- Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của đơn vị; Có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; Có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ.

2. Cơ cấu, thành phần của Ban Kiểm toán nội bộ

a. Số lượng thành viên Ban Kiểm toán nội bộ do HĐQT quyết định trên cơ sở quy mô, tính chất và đặc điểm hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong từng thời kỳ, đảm bảo phù hợp và hiệu quả;



b. Ban kiểm toán nội bộ có: 01 Trưởng ban; Các Phó ban và các kiểm toán viên; chuyên viên;

c. Các kiểm toán viên thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Ban KTNB và đảm bảo hoàn thành công việc được giao với tinh thần trách nhiệm cao nhất. Khi có yêu cầu của HĐQT hoặc các thành viên HĐQT, các thành viên của Ban KTNB có thể thực hiện công việc một cách độc lập để đáp ứng các yêu cầu đó.

### 3. Quyền và trách nhiệm của Ban Kiểm toán nội bộ

#### a. Quyền hạn:

- Được đề xuất ý kiến tham mưu với Chủ tịch HĐQT và HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng công ty, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Được tiếp cận, phỏng vấn các cán bộ, yêu cầu các đơn vị cung cấp thông tin, báo cáo, tài liệu, hồ sơ... về các vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm toán nội bộ để thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc để chuẩn bị các tài liệu theo yêu cầu của HĐQT và/hoặc yêu cầu của các thành viên HĐQT;

- Được tham dự các phiên họp và nhận các tài liệu văn bản HĐQT, Ban điều hành có liên quan đến công tác của kiểm toán nội bộ theo chỉ đạo, phân công của Chủ tịch HĐQT;

- Được thừa lệnh ký điện, thư giao dịch cũng như các tài liệu liên quan khác thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo chỉ đạo, phân công của Chủ tịch HĐQT. Được trực tiếp giao dịch với các tổ chức, cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Được cử tham gia các khóa đào tạo, tập huấn trong và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị và ngoại ngữ theo quy định của Tổng công ty và theo quyết định của Chủ tịch HĐQT;

- Được đề nghị HĐQT bổ sung nhân lực, thuê chuyên gia bên ngoài, đề xuất huy động cán bộ, chuyên viên, và/hoặc các nguồn lực của Tổng công ty để hoàn thành chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Được trang bị và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện theo quy định của Tổng công ty để thực hiện phục vụ cho công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Kiểm toán viên có quyền bảo lưu các ý kiến cá nhân trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán;

- Được phép truy cập và khai thác thông tin (có phân cấp/phân quyền đảm bảo an toàn, bảo mật) trong hệ thống quản trị mạng nội bộ, các phần mềm quản trị kế toán, kinh doanh...tại văn phòng Tổng Công ty. Khai thác sử dụng thông tin theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị phê chuẩn và tuân theo Quy chế sử dụng hệ thống công nghệ thông tin của Tổng công ty (nếu có);

- Đề xuất các cấp có thẩm quyền của Tổng công ty xử lý kỷ luật, trách nhiệm vật chất, bãi nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng lao động...đối với các cá nhân vi phạm nghiêm trọng các quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật.

b. Trách nhiệm:

- Đảm bảo thực hiện các công việc chuyên môn với sự trung thực, tính cẩn trọng và tinh thần trách nhiệm; Tuân thủ các quy định pháp luật và công bố các thông tin cần thiết theo yêu cầu của pháp luật và yêu cầu chuyên môn của kiểm toán nội bộ; Không tham gia các hoạt động phi pháp hay tham gia các hoạt động làm tổn hại đến uy tín nghề nghiệp, uy tín của đơn vị;

- Kiểm toán viên phải thể hiện mức độ cao nhất về tính khách quan, chuyên môn trong việc thu thập, đánh giá và trao đổi thông tin về các hoạt động và quy trình được kiểm toán;

- Theo dõi, giám sát việc thực hiện các kiến nghị và chỉ đạo sau kiểm toán của các đối tượng được kiểm toán;

- Bảo mật tài liệu, giữ bí mật thông tin theo đúng quy định của Tổng công ty và của pháp luật.

## **Điều 20. Người điều hành doanh nghiệp**

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.



**Điều 21. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành.**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.

2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động hoặc quy định của Tổng công ty. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

3. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Tổng công ty theo những quy định hiện hành của Tổng công ty ban hành;

c. Tổng giám đốc được tuyển dụng các loại cán bộ quản lý cần thiết để phục vụ hoạt động của bộ máy điều hành trên cơ sở đề án về số lượng và các loại cán bộ quản lý cần tuyển dụng được Hội đồng quản trị chấp thuận và phê chuẩn; Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các cán bộ quản lý không do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Vào thời điểm tháng một (01) hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân

đổi kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;

h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

i. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

4. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.

## **Điều 22. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc**

1. HĐQT lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Tổng giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc đề nghị với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

3. Trước các cuộc họp HĐQT 05 (năm) ngày làm việc, TGD phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh tháng, quý và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Tổng công ty cho HĐQT.

4. TGD được quyền chủ động quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, hỏa hoạn, sự cố) không kịp báo cáo HĐQT và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết.

5. Hàng quý và cuối năm, TGD phải có báo cáo bằng văn bản về tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty gửi HĐQT (chậm nhất là sau 20 ngày hết quý và 45 ngày hết năm tài chính).



6. Hàng quý, TGD báo cáo HĐQT nhu cầu mua lại số cổ phiếu, cổ phần của Tổng công ty đã phát hành hoặc nhu cầu phát hành thêm cổ phiếu của Tổng công ty để HĐQT xem xét, quyết định.

7. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc cử đại diện của HĐQT tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình HĐQT do TGD chủ trì. Chủ tịch HĐQT hoặc người đại diện HĐQT dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

8. Định kỳ hàng năm, TGD phải trình HĐQT xem xét và phê duyệt báo cáo quy hoạch lãnh đạo cho các vị trí trong Ban TGD.

9. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, học tập trong nước và ngoài nước; các cuộc đàm phán và ký kết hợp đồng... của PJICO có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, TGD có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT đề cử thành viên HĐQT tham dự.

10. Các cuộc họp do các cơ quan có liên quan mời ban lãnh đạo PJICO tham dự (trừ những trường hợp mời đích danh), thì tùy theo tính chất từng cuộc họp để phân công cụ thể. Những cuộc họp có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm, chiến lược phát triển trung-dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của PJICO thì Chủ tịch HĐQT và TGD cùng dự; hoặc Chủ tịch HĐQT quyết định một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo lại cho nhau.

11. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT/người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời thêm các Phó TGD hoặc trưởng/phó Phòng/Ban/đơn vị phụ trách mảng công việc có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu có).

12. TGD chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ.

13. TGD phải hoạch định, xây dựng và đăng ký kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng thời kỳ của PJICO để báo cáo HĐQT.

14. Trường hợp phát hiện có rủi ro, hoặc các sự cố, các việc có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc kết quả, hiệu quả, an toàn hoạt động kinh doanh của PJICO hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác. TGD phải báo cáo ngay HĐQT để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

15. Tất cả các văn bản, tờ trình báo cáo HĐQT phải do TGD trình ký. Trường hợp đặc biệt, TGD có thể ủy quyền bằng văn bản cho 01 Phó TGD thực hiện, trường hợp này TGD vẫn phải chịu trách nhiệm về những nội dung ủy quyền.

### **Điều 23. Người phụ trách quản trị Tổng công ty**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.



## **Điều 24. Đào tạo về quản trị công ty**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, Người quản trị Tổng công ty phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

## **Điều 25. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật**

### **1. Khen thưởng**

- Các thành viên HĐQT có thành tích trong công tác quản trị, điều hành và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của Luật thi đua khen thưởng và Quy chế thi đua khen thưởng và các quy định nội bộ khác của PJICO do HĐQT ban hành.

- Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế khen thưởng và các quy định nội bộ khác của PJICO.

### **2. Kỷ luật**

- Các thành viên HĐQT và cán bộ quản lý PJICO trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm các quy định khác có liên quan của pháp luật, Điều lệ PJICO, quy chế nội quy lao động và các quy định khác có liên quan của PJICO, tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp luật và các quy định nội bộ khác của PJICO.

- HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm.

- Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế của PJICO.

## CHƯƠNG IV

### NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

**Điều 26. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 27. Giao dịch với người có liên quan**

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Tổng công ty thực hiện ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. Tổng công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Tổng công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Tổng công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hóa của Tổng công ty hay lũng đoạn giá cả.

3. Tổng công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực



khác của Tổng công ty. Tổng công ty không cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

**Điều 28. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này**

1. Tổng công ty không cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Tổng công ty không cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó trừ trường hợp: (i) Tiền gửi tại các cổ đông là tổ chức tín dụng; (ii) Cổ đông là công ty con và các công ty con này không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.

3. Tổng công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Tổng công ty không được thực hiện giao dịch sau:

a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp Tổng công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

b. Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc, các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.

6. Các quy định khác của pháp luật hiện hành.

### **Điều 29. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty**

1. Tổng công ty tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty.

2. Tổng công ty hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty thông qua việc:

a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty và đưa ra quyết định;

b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.

3. Tổng công ty có trách nhiệm quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng, và trách nhiệm xã hội của Tổng công ty.

## **CHƯƠNG VI**

### **BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Điều 30. Nghĩa vụ công bố thông tin**

1. Tổng công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Tổng công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin



được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Ngoài ra, Tổng công ty cam kết công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

### **Điều 31. Công bố thông tin về quản trị Tổng công ty**

1. Tổng Công ty đảm bảo công bố thông tin về tình hình quản trị Tổng công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Tổng công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng về công bố thông tin về tình hình quản trị Tổng công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Điều 32. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trước.

2. Các giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành hoặc cổ đông lớn.

3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

## CHƯƠNG VII

### GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

#### **Điều 33. Giám sát**

Tổng công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 34. Xử lý vi phạm**

Các tổ chức và cá nhân có liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này tùy theo tính chất, mức độ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

